

Phần II: Văn học phục hưng- Văn học Tây Âu thế kỷ 14-15-16

Chương I: Khái quát

Thời đại phục hưng và phong trào văn hoá phục hưng

Trong hai thế kỷ XV và XVI, châu Âu dấy lên cuộc vận động tư tưởng và văn hoá mới rất hào hứng, quyết liệt từ trước đến bây giờ chưa từng có.

Thoạt tiên phong trào ấy nổi lên ở đất nước Italia, sau đó lan rộng khắp Tây Âu và Trung Âu. Người ta gọi phong trào đó là "Rinascimento", còn người Pháp gọi là "La Renaissance", người Anh gọi "The Renaissance". Những từ ấy đều có nghĩa là tái sinh, phục hưng hay sống lại.

Cái gì được phục hưng, sống lại?

Một số học giả phương Tây cho rằng phong trào này nhằm làm "sống lại" nền văn hoá cổ đại Hi Lạp và La Mã khi được phát hiện qua những văn bản chép tay và đồ vật khảo cổ khai quật được. Người ta đua nhau đi tìm kiếm di tích hai nền văn hoá cổ đó suốt hai thế kỷ XV và XVI. Phong trào học tiếng Latin và Hi Lạp rộ lên. Việc dịch thuật giới thiệu những tác phẩm triết học, văn học cổ Hi-La thu hút nhiều người nghiên cứu và nhà xuất bản ở Tây Âu.

Thật sai lầm nếu cho rằng mục đích của phong trào Phục Hưng là khôi phục lại nền văn hoá cổ Hi-La, rằng đây là phong trào phục cổ, hoài cổ!

Nhờ được tận mắt nhìn ngắm những di tích còn sót lại của hai nền văn minh cổ Hi-La và tự mình đọc được những tác phẩm (qua nguyên tác hoặc bản dịch), người trí thức Tây Âu đã so sánh với nền văn hoá Trung cổ họ đang sống, họ đã rút ra nhận xét quan trọng này: Trung cổ phong kiến và Nhà thờ đã chà đạp thô bạo lên quyền sống và tự do của con người. Họ cảm thấy mình vừa trải qua một đêm trường đen tối suốt nghìn năm. Họ biết rằng Hi Lạp xây dựng được nền văn minh rực rỡ như vậy bởi vì không biết đến chế độ phong kiến và không phải chịu đựng sự thống trị tinh thần của giáo hội Thiên chúa giáo. Engels viết: "Trong những cuốn sách viết tay còn cứu vớt được sau khi nền văn minh Byzance đã sụp đổ, trong những pho tượng thời cổ đại khai quật được trong những đồng hoang tàn ở La Mã, người ta thấy cả một thế giới mới lạ hiện ra trước mắt phương Tây kinh ngạc - Đó là thời cổ đại Hi Lạp, những hình thức chói lòa của nó đánh tan những bóng ma thời trung cổ. (*)"

Người ta còn tiến bước mạnh hơn. Nhờ được tận mắt chứng kiến những di tích còn sót lại của hai nền văn hóa H-L, học giả phương Tây so sánh và nhận thấy nền văn hóa trung cổ mà họ đang sống đã bị chế độ phong kiến và nhà thờ

trung cổ kìm hãm và hơn thế nữa, nó đã chà đạp thô bạo lên quyền sống và quyền tự do của con người. Họ cảm thấy đang sống trong "đêm trường trung cổ ngàn năm" nay mới thấy ánh sáng. Họ giải thích sự phát triển rực rỡ của Hi Lạp Lamã là vì không có chế độ phong kiến và nhà thờ Thiên chúa giáo áp bức.

Vậy là châu Âu không đi khôi phục lại văn hóa văn minh Hi Lạp La mã, vì đó là sản phẩm của thời công xã thị tộc tan rã và chế độ dân chủ - chủ nô. Lịch sử đi lên chứ không quay đầu lại. Vậy "Phục Hưng" nghĩa là làm sống lại những truyền thống văn hóa tốt đẹp mà Hi Lạp La Mã đã nêu gương để tiếp nối mà giải quyết những vấn đề tinh thần của thời họ sống - giai đoạn cuối thời trung cổ.

1.1. TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ HI LẠP - LA MÃ ĐÃ NÊU GƯƠNG LÀ GÌ?

Trân trọng đề cao con người và đấu tranh cho tự do của con người.

Hai truyền thống đó đối lập với thời trung cổ coi rẻ, miệt thị con người và chế độ chuyên chính, độc tài.

Văn hóa Phục Hưng vừa đề cao cổ đại vừa phê phán tố cáo chế độ phong kiến và nhà thờ, đồng thời nói lên nhu cầu và khát vọng của con người mới, trình bày biểu dương khả năng và triển vọng của con người mới, xã hội mới. Đó là con người mà xã hội Phục Hưng đang cần, những con người "khổng lồ": khổng lồ về tư tưởng, khổng lồ về nhiệt tình và tính cách, về tài năng hiểu biết. (Engels đã so sánh con người mới với nhân vật khổng lồ của thần thoại Hi Lạp).

Quả vậy, văn học Phục Hưng đã sáng tạo ra những người khổng lồ mới. Đó là nhân vật Gargantua, Pantagruel của Rabelais, Othello, Hamlet của Shakespeare... Trong xã hội cũng có những con người khổng lồ thực sự, đó là nghệ sĩ nhà khoa học Leonardo da Vinci, nhà bác học Copernic phát hiện ra cấu trúc hệ thống mặt trời. Christoph Colombus tìm ra châu Mỹ...

Phong trào văn hóa tư tưởng Phục Hưng đạt nhiều thành tựu làm cho Tây Âu bừng thức sau đêm trường trung cổ ngàn năm, thúc đẩy lịch sử phương Tây và là bước ngoặt lớn của nhân loại Cần phê phán hai quan điểm sai lầm cho rằng: Phục Hưng là hoa trái cuối mùa của chế độ phong kiến hoặc là sản phẩm đầu tiên của giai cấp tư sản mới lên. Thực ra, Phục Hưng là thành tựu của giai đoạn quá độ từ trung cổ phong kiến lên thời cận đại tư bản chủ nghĩa, là bước ngoặt lịch sử của nhân loại do những điều kiện kinh tế chính trị khoa học, xã hội và văn học nghệ thuật đương thời đòi hỏi và tạo ra. Nó đã làm biến đổi sâu sắc đời sống tinh thần và vật chất của xã hội Tây Âu, phơi bày sự trì trệ, lạc hậu lỗi thời của chế độ phong kiến và nhà thờ trung cổ, tạo đà biến chuyển trên mọi lĩnh vực sang những thế kỷ sau.

1.2. BỐI CẢNH CỦA PHONG TRÀO VĂN HÓA PHỤC HƯNG

VỀ KINH TẾ

Miền bắc nước Ý là một trung tâm kinh tế chính trị và văn hóa phát triển sớm nhất ở Tây Âu từ thế kỷ 14, Các quốc gia đô thị như Venice, Jaine, Florence... chứng kiến sự phát đạt công nghiệp thương nghiệp lên cao chưa từng thấy. Một nền văn học nghệ thuật mới mẻ phong phú rực rỡ đơm hoa kết trái, Ý trở thành cái nôi của văn hóa Phục Hưng. Một số nước như Hà Lan, Bỉ, Luxemburg cũng

hình thành những trung tâm kinh tế văn hóa mới, đặc biệt thủ đô Amsterdam tập nập trù phú lạ thường.

Sau sự kiện Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng thành Constantinop cắt đứt con đường giao thông buôn bán giữa phương Tây và phương Đông, các nước phương Tây phải tìm con đường mới. Những thành công về địa lí như tìm ra đường hàng hải vòng quanh châu Phi và việc tìm ra châu Mỹ đã tạo điều kiện cho giai cấp tư sản đang lên môi trường hoạt động mới. Họ tiếp tục chiếm lĩnh thị trường Ấn Độ và Trung Hoa, di dân qua châu Mỹ chiếm thuộc địa, mở rộng buôn bán. Các ngành thương nghiệp công nghiệp hàng hải phát triển mạnh chưa từng thấy. Phương thức kinh doanh phương hội phong kiến suy tàn. Các đô thị ven biển trở thành những trung tâm kinh tế tập nập, ngoài Ý còn có Barcelona, Lisbon, London, Hamburg...

Từ Hà Lan tới Anh lần lượt ra đời các tổ chức tài chính gọi là " Sở giao dịch " - tiền thân của ngân hàng sau này. Đó là những ngân hàng cỡ quốc tế thời đó. Đến đầu thế kỉ 16, các nghiệp đoàn thương mại quốc gia hình thành, đẩy mạnh việc buôn bán giữa các lục địa. Các công trường thủ công, xí nghiệp sản xuất mở mang nhanh chóng thu hút rất nhiều lao động (ngành khai thác mỏ, len da, giấy, nghề in ấn, hàng xa xỉ...). Những sáng chế phát minh khoa học kĩ thuật được đem ứng dụng, thúc đẩy sản xuất. Máy hơi nước đưa vào chạy máy cưa, máy nghiền, đập, xát, dệt, kéo sợi. Lò cao và các loại đồng hồ, địa bàn, kính thiên văn cũng được sáng chế.

Nông nghiệp cũng được phát triển đáng kể. Giống mới được trao đổi xuyên lục địa. Kỹ thuật thủy lợi phát triển nhờ máy móc. Tăng vụ trồng lương thực. Tuy nhiên nông nghiệp vẫn chậm hơn công nghiệp. Các đô thị ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế và đời sống xã hội. Tầng lớp thị dân ngày càng đông đảo và lớn mạnh, là nguyên nhân sâu xa gây nên nhugn biến động văn hóa.

VỀ CHÍNH TRỊ

Chế độ phong kiến phân tán bấy giờ trở thành vật cản con đường phát triển của Tây Âu. Thị dân ủng hộ nhà vua trung ương đập tan các thế lực phong kiến lãnh chúa địa phương để lập nên nhà nước quân chủ thống nhất, nhờ đó các thị trường cũng thống nhất. Giai cấp quý tộc và tư sản nhờ đó làm giàu lên nhiều.

Mâu thuẫn xã hội nổ ra sôi sục giữa các giai cấp (quý tộc cũ - mới, quý tộc - tư sản, nông dân thợ thuyền - tầng lớp thống trị. Cuộc chiến tranh nông dân nước Đức là điển hình (1524 - 1525). Những cuộc đấu tranh nhằm thống nhất đất nước ở Ý liên tục ba thế kỉ, cuộc chiến tranh " Hai hoa hồng " ở Anh kéo dài 30 năm, rồi chiến tranh ở Tây ban nha.

TÔN GIÁO VÀ TRIẾT HỌC

Thời Phục Hưng còn xảy ra một phong trào cải cách tôn giáo rộng lớn và sôi sục. Nền độc tài tinh thần của giáo hội thiên chúa giáo bị phá vỡ. Phần lớn dân German (Đức) rời bỏ giáo hội đi theo đạo Tin Lành. Các dân tộc Latinh hấp thụ tư tưởng phê bình tự do, thẩm nhuần triết học Hi Lạp, chuẩn bị cho triết học duy vật thế kỉ 18 trở thành triết học cổ điển châu Âu.

Các nhà triết học nhân văn chủ nghĩa hăng hái tấn công vào cơ sở tinh thần và tư tưởng của phong kiến và nhà thờ trung cổ. Thần học và triết học kinh viện bị họ đả kích gay gắt

Nhà triết học Erasme (1467-1536) là người có công lớn gây ảnh hưởng sâu rộng ở Tây Âu. Công trình "Ca ngợi sự điên rồ" xuất bản năm 1511 của ông đã chế giễu sự mê tín với những tín điều ngu ngốc. Nhà triết học vạch trần sự dối trá và dốt nát của bọn triết gia thần học và kinh viện, ông gọi những lí thuyết của họ là "vũng bùn hôi thối".

Những người học trò theo trường phái ông là Buzet (Pháp), Ulfrich Hutten (Đức), Thomas More (Anh)...

Nhà triết học Bacon (Anh) 1561-1626, người sáng lập ra chủ nghĩa duy vật Anh và mọi khoa học thực nghiệm hiện đại. Bacon đã nghiêm khắc phê phán triết học trung cổ. Ông đòi hỏi triết học chân chính cần phải có tính chất thực tiễn, nghĩa là lí thuyết phải dựa trên sự phân tích những hiện tượng tự nhiên và tài liệu của kinh nghiệm. Ông cho rằng cảm giác là nguồn gốc của mọi hiểu biết. Những giác quan không thể sai lầm. Khoa học thực nghiệm là dựa trên tài liệu do giác quan cung cấp. Bacon là người đầu tiên xây dựng tỉ mỉ phương pháp quy nạp. Điểm xuất phát của nhận thức là mối liên hệ nhân quả, là sự phân tích những vật khác nhau và những hiện tượng khác nhau. Những chân lý đáng tin cậy đều phải dựa trên thật nhiều sự việc. Trong khi đối chiếu những sự việc đó, người ta đi từ cái riêng biệt, cá thể tiến tới cái phổ biến và kết luận. Ông coi thường phép suy diễn. Tác phẩm chính của ông là cuốn "Công cụ mới" (Novum Organum) - xuất bản 1620 nhằm phân biệt với cuốn "Organon" (Công cụ) của Aristote. Cuốn thứ hai là "Bàn về nguyên tắc và cơ sở". Bacon chưa phải một nhà duy vật triệt để, ông muốn hoà hoãn giữa khoa học và tôn giáo. Dấu sao tư tưởng thực nghiệm và phương pháp quy nạp của Bacon cũng góp phần làm công cụ tư tưởng cho phong trào văn hoá Phục Hưng đẩy lui tư tưởng trung cổ phản động và lạc hậu, sau này Karl Marx nghiên cứu ông rất kỹ và ghi công cho ông.

Nhà triết học Campanella viết cuốn "Thành phố mặt trời" (Civitas solis), cùng với cuốn "Không tưởng" của Thomas More nhằm đòi hỏi mưu cầu hạnh phúc cho xã hội bằng cách "bình đẳng về mặt của cải phải được thừa nhận," quyền tư hữu phải được xoá bỏ". Hai ông, do sự hạn chế của lịch sử, mới vẽ ra được cái viễn cảnh ước mơ không thể thực hiện. Do đó cuối cùng phong trào Phục hưng thất vọng vì không tìm thấy giải pháp khả thi để cải cách cuộc sống xã hội, khiến nhiều người rơi vào sự bi quan sâu sắc.

Các nhà nghệ sĩ tạo hình như Leonardo Da Vinci, Mikellangelo, Raphael... cũng dùng cây bút vẽ và màu sắc để sáng tạo những hình tượng Phục hưng, từ hình tượng thánh thần mang hình hài con người trần tục đến những hình tượng con người bình dị mang những vẻ đẹp giản dị không mấy ai ngờ. Tranh tượng khoả thân thời kì này mặc sức phô diễn vẻ đẹp của con người trong một cảm hứng tự hào, yêu thương đến gần như thiêng liêng, ta thường gọi là "cảm xúc thánh thiện".

Trong bối cảnh đó, văn học nghệ thuật Phục Hưng nở hoa kết trái tưng bừng.

Chủ nghĩa nhân văn là trào lưu tư tưởng văn hóa của phong trào văn nghệ phục hưng

Trào lưu tư tưởng nhân văn chủ nghĩa là sản phẩm tinh thần chung đúc khát vọng và yêu cầu muốn tự giải phóng của con người thời đại thoát khỏi xiềng xích trung cổ phong kiến và nhà thờ. Chủ nghĩa nhân văn Phục Hưng bắt đầu từ nguồn gốc chủ nghĩa nhân văn trong văn học nghệ thuật cổ đại Hi Lạp (truyện thần thoại, sử thi, những bức tượng lực sĩ đẹp của Phidias, những lâu đài công trình huy hoàng còn sót lại.. đều trình bày những vẻ đẹp sáng ngời của con người tự do dám chống lại thiên nhiên khắc nghiệt và xã hội áp bức).

" Con người là kiểu mẫu và kích thước để đo lường vạn vật ". Những gì chống lại con người đều bị chủ nghĩa nhân văn lên án. Nó ca ngợi đề cao quyền sống tự nhiên của con người, đặc biệt là quyền tự do cá nhân. Chế độ phong kiến và nhà thờ trung cổ truyền bá nhân sinh quan nghiệt ngã đến tối. Họ chỉ đề cao những " ông thánh", sống giữa cõi đời mà coi thường mọi lạc thú vật chất và thể xác, chỉ biết chăm lo tu dưỡng đức tin. Mỗi lời nói của họ được coi là " khuôn vàng thước ngọc " -giáo điều của một thời. Chủ nghĩa diệt dục, khổ hạnh được rao giảng. Dục vọng bình thường của con người bị bôi bác như loài vật. Rao giảng như vậy nhưng giai cấp phong kiến và tầng lớp vẫn mặc sức hưởng lạc phê phỡn ăn chơi sa đọa hơn ai hết.

Những nhà văn Phục Hưng viết để chống lại thứ nhân sinh quan phản tự nhiên ấy, đòi cho con người những quyền sống tự nhiên, tự do ngay ở cõi trần gian. Họ là Dante, Petrarque, Boccaccio (Ý), Ronsard, Rabelais (Pháp), Lope de Vega, Cervantes (Tây ban nha) ...và Shakespeare (Anh).

Trong quá trình phát triển, chủ nghĩa nhân văn ngày càng hoàn thiện dần, nội dung chiến đấu ngày càng cao. Thần học, triết lý kinh viện bị nó đã kích gay gắt. Các nhà văn, nhà viết kịch Phục Hưng tiếp tục chôn vùi uy thế phong kiến và nhà thờ, truyền bá thế giới quan tiến bộ, đề cao Con Người viết hoa (ý nói không phải con...vật) là trung tâm của vũ trụ, con người có tất cả nhu cầu khát vọng chính đáng, khả năng và trí tuệ to lớn.

Nhà thơ Shakespeare đã viết:

Kì diệu thay con người!

Con người cao quý làm sao về lí trí, vô tận làm sao về năng khiếu. Hình dung và dáng vóc nó đẹp tựa thiên thần. Trí tuệ nó có thể sánh với thượng đế. Thật là vẻ đẹp của thế gian, kiểu mẫu của muôn loài! (kịch Hamlet, hồi II cảnh 2).

Tự Nhiên được suy tôn là " bà mẹ vĩ đại ", sống tuân theo tự nhiên thì sẽ đạt được " cái đẹp ", " sự hài hòa ", chống lại tự nhiên sẽ khô héo, rối loạn. Hình thành triết lý tự nhiên.(Ngày nay chúng ta thấy rằng muốn đạt được chủ nghĩa nhân văn hoàn chỉnh thì phải thủ tiêu mọi nguồn gốc để ra áp bức bóc lột). Thời đại Phục Hưng mới chỉ là thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản, thay đổi từ kiểu áp bức này sang kiểu khác. Do đó, chủ nghĩa nhân văn

càng về sau càng bế tắc, không thể phát triển và biến thành hiện thực. Chỉ có hiện thực phũ phàng, nhân dân bấy giờ bị hai tròng áp bức bóc lột - phong kiến và tư bản. Cuối phong trào Phục Hưng, những tác phẩm bộc lộ nỗi hoài nghi bị quan chen vào, nhiều nhà văn xuất thân phong kiến quý tộc hoặc tư sản trở nên bế tắc, ngỗ ngược, dao động, mất phương hướng. Cuối cùng khuynh hướng văn học tư sản thắng thế vì có giai cấp tư sản bảo đảm cho họ

Nét đặc trưng của văn học tư sản là ca ngợi con người " hoàn toàn tự do ", được giải phóng khỏi mọi xiềng xích phong kiến. Nó đập phá không thương tiếc Thần học và Triết học kinh viện, lên án gay gắt luân lý đạo đức phong kiến (tuy rằng có chút cách quá đáng), biểu dương ca tụng sự sáng tạo, ý chí vươn lên làm chủ thiên nhiên xã hội và bản thân. Khuynh hướng này bộc lộ nhược điểm khá nguy hại là say sưa ca ngợi khoái cảm vật chất và xác thịt, giải phóng bản năng sinh lý (Rabelais, Cervantes và cả hài kịch Shakespeare).

Chúng ta chống lại chủ nghĩa khổ hạnh cấm dục nhưng cũng chống lại thứ chủ nghĩa tự do bừa bãi theo nhân sinh quan tư sản (đến tận ngày nay vẫn còn tồn tại và reo rắc lối sống này). Các nhà nhân văn chủ nghĩa chân chính thời Phục Hưng không có tư tưởng cực đoan bừa bãi như vậy!

Mặc dầu còn những nét tiêu cực, chủ nghĩa nhân văn Phục Hưng vẫn là một cống hiến lớn lao cho lịch sử tư tưởng và văn hóa của loài người. Nó đã góp phần tích cực đấu tranh giải phóng con người ra khỏi chế độ phong kiến trung cổ và mở đường cho các xã hội Tây Âu tiến lên

Chương II: Văn học phục hưng Italia, Pháp, Tây Ban Nha

ITALIA những ngọn gió đầu tiên

QUÊ HƯƠNG CỦA VĂN NGHỆ PHỤC HƯNG là vùng Bắc Ý nơi có các đô thị lớn như Venise, Jaine, Milan, Florence. Nơi đây kinh tế trù phú phát triển mạnh mẽ. Dân đô thị ngày càng có ý thức về vai trò địa vị của mình. Tinh thần hoạt động làm giàu trở nên đức tính tốt. Họ đòi hỏi được tự do phát triển mọi khả năng và thỏa mãn mọi ham muốn. Luồng tư tưởng mới mẻ chống ý thức hệ phong kiến và nhà thờ đã khơi nguồn cho trào lưu nhân văn chủ nghĩa tuôn chảy

Vinh quang mở đầu phong trào văn nghệ Phục Hưng Ý thuộc về nhà thơ DANTE - nhà thơ cuối cùng thời Trung cổ và thi sĩ đầu tiên của Phục Hưng. Tuy còn ảnh hưởng thể giới quan nhà thờ thần bí nhưng tác phẩm của ông đã ánh lên cảm quan mới của thời đại.

Tác phẩm tiêu biểu của ông là " Thần Khúc " (nguyên văn là Divinascomedia) viết bằng tiếng Ý, 100 khúc với 14226 câu thơ. Gồm bốn phần: Khúc mở đầu / Địa ngục / Luyện ngục / Thiên đường. Tóm tắt cốt truyện như sau:

Nhân vật Dante khi đã sống được nửa đời người một hôm ông lạc bước vào khu rừng rậm (chỉ tình trạng tội lỗi của người đời). Ba con thú dữ xông tới cản đường (báo, sư tử và chó sói: ba thói xấu kiêu căng, ghen tỵ và keo kiệt). May sao từ trên thiên đường, nàng Beatrice vốn là người yêu đã quá cố của Dante đã gọi nhà thơ Virgile - người mà Dante suy tôn bậc thầy - đến cứu Dantethoát ra.

Virgile dẫn Dante đi tham quan Địa Ngục, cảnh tượng âm u rừng rợn chín tầng. Vạc dầu sôi, lửa cháy ngun ngút, tội nhân bị găm đầu, ngụp lặn trong bể máu. Đủ mọi loại người ở trần gian chưa được rửa tội. Có một cặp tội nhân được nhà thơ thông cảm xót xa - họ là chị dâu em chồng yêu nhau vụng trộm. Những kẻ phản bội tổ quốc rước giặc về giày xéo quê hương thì ông nguyên rủa, trong đó có cả Giáo hoàng Boniphace VIII. Tiếp đó Virgile dẫn Dante đi thăm Luyện Ngục gồm 7 bậc, nơi đây yên tĩnh giúp người ăn năn hối cải, tẩy rửa lỗi lầm. Họ là danh nhân văn nghệ sĩ triết gia anh hùng quá khứ là những người có công với tổ quốc, loài người. Họ sắp rời khỏi đây lên thiên đường cực lạc chan hòa ánh sáng.

Nhưng khi qua khỏi Luyện Ngục, Virgile từ giã Dante vì ông là người dị giáo không lên được thiên đường. Nàng Beatrice lại xuất hiện trong ánh hào quang rực rỡ màu áo đỏ tươi, tấm khăn trắng trên đầu buông xuống cùng những cảnh nguyệt quế. nàng nhắc lại tình xưa nghĩa cũ, trách móc Virgile nặng nề nhưng thật đáng yêu:

" Một thời tôi đã lấy dung nhan nâng đỡ cho chàng
đôi mắt tơ xuân tôi để chàng ngắm
và tôi dắt chàng cùng tôi thẳng tiến
buồn thay vừa bước chân vào tuổi trưởng thành
tôi bỏ cuộc đời sang cõi trường sinh
chàng quên tôi, buông mình vào tay kẻ khác
Trả lời đi, nói đi cho mọi người biết
Chàng vô cùng đáng trách "
Dante cũng không nén nổi xúc động:
" Tình yêu ơi, em cứ thì thầm trong trái tim ta "

Sau đó Beatrice đưa nhà thơ Dante lên cõi thiên đường, ông chiêm ngưỡng
ngây ngất hình ảnh Chúa Cứu Thế, lòng trào dâng niềm tin tưởng.

Đằng sau những quan niệm tôn giáo thần bí về ba thế giới (Địa ngục, Luyện
ngục, Thiên đường) vốn là bút pháp tượng trưng, ẩn dụ quen thuộc thời trung
cổ, chúng ta nhìn thấy hiện thực với nhiều ý nghĩa và quan niệm mới mẻ về tình
yêu, báo hiệu mùa xuân thi ca mới. Đó là niềm tin vào con người có trí thông
minh và lòng dũng cảm. Dante say sưa ca ngợi anh hùng cổ đại Odyssee bốn
ba đi tìm những bến bờ xa lạ. Ca ngợi những triết gia, nghệ sĩ Hi Lạp đem lại
bao hiểu biết và xúc cảm cho loài người.

Hình tượng Virgile tượng trưng cho lí trí thì nàng Beatrice tượng trưng cho tình
yêu và cái đẹp. Cuộc hành trình của nhà thơ Dante được dẫn dắt bởi hai nguồn
tinh hoa ấy. Nhà thơ đi tới đâu? Đến với hình ảnh Chúa Cứu Thế tượng trưng
cho Chân - Thiện - Mỹ chứ chẳng phải đáng siêu hình nào.

Chẳng phải ngẫu nhiên nàng Beatrice có mặt từ đầu đến cuối cuộc đời nhà thơ.
Ngay ở thiên đường nàng vẫn tiếc thương mối tình trần thế. Nàng là ân sủng
tình yêu mãi mãi dành cho nhà thơ. Nhà triết học cổ điển Đức Hegel đã nhận
xét thật đúng: " Dante nhờ tình yêu của Beatrice mà trở thành bất tử. Tình yêu
được hoán cải biến thành tình yêu mới có tính tôn giáo không dục vọng " (Mĩ
học - Hegel).

Nhà thơ Dante đã đóng vai trò quan tòa khi ông đưa kẻ này xuống địa ngục,
người khác lên thiên đàng theo chuẩn mực mới của chủ nghĩa nhân văn Phục
Hưng.

Nhà thơ Pétraque (1304-1374)

Tác phẩm tiêu biểu là Ca Khúc (Canzonie). Tập thơ tình yêu nói về mối tình của
ông với nàng Lora. Chịu ảnh hưởng của Dante, nhưng ông không ca ngợi một
"nàng tiên " mà miêu tả ca ngợi một Lora bình thường sống giữa người trần,
nàng hiện lên sinh động. Những mong đợi buồn tủi, khổ đau nhưng đó chính là
tình yêu thực sự.

Ngoài thơ tình, Petrarque còn làm thơ về triết học, chính trị, như bài " Nước Italia của tôi", " Tâm hồn cao cả ". Thơ ông có tác động mạnh đến quần chúng nhân dân trong công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước Italia.

Truyện " Mười ngày" của Boccaccio (1313-1375)

Boccaccio là nhà bác học nhân văn chủ nghĩa, ông say mê và am hiểu văn hoá cổ Hi Lạp La mã. Tác phẩm tự truyện "Phiammeta". Truyện kể dựa trên mối tình của ông với công chúa Phiammeta. Nàng yêu ông bắt nguồn từ quý mến tài năng ông, nhưng gia đình ông là thương nhân địa vị xã hội thấp nên cuộc tình duyên đã tan vỡ. Đau buồn, ông viết truyện để hả giận. Boccaccio xây dựng nhân vật Pamphilo để cho nhân vật này bỏ rơi nàng Phiammeta.

Tác phẩm bất tử của Boccaccio là Decameron (Mười ngày). Truyện kể bảy cô gái (trong đó có một cô tên Phiammeta) và ba chàng trai (có nhân vật Pamphilo) đều là con nhà quý tộc rủ nhau đến ở một lâu đài ở ngoại thành phố Florence để tránh bệnh dịch hạch. Họ chuyện trò, dạo chơi, để quên đi cái chết đang đe dọa thành phố. Mỗi ngày họ bầu một người làm vua hoặc hoàng hậu để điều khiển cuộc vui chơi. Kể chuyện là trò thú vị nhất. Mỗi ngày họ lần lượt kể 10 câu chuyện. Sau mười ngày được 100 câu chuyện. Hết mười ngày thì nạn dịch hạch chấm dứt, họ lại quay về thành Florence.

Tác giả nói rằng ông viết truyện này để mua vui cho nữ giới vì họ là phái Đẹp và tình yêu của họ là ý nghĩa của cuộc sống trần thế này.

Truyện Mười ngày cổ vũ tinh thần ham sống, yêu đời, chống lại quan điểm tôn giáo khổ hạnh cho rằng cuộc đời là tạm thời, vật chất thể xác là đáng khinh bỉ. Truyện vang lên tiếng cười giòn giã chế giễu, đã kích đạo đức luân lí phong kiến và nhà thờ và học thuật của họ. Thầy tu, quý tộc và triết gia thần học kinh viện đều bị đem ra làm trò cười, bị vạch chân tướng là những kẻ đạo đức giả, trác táng dâm ô bỉ bợm. Tác giả đồng tình cổ vũ những mối tình tự do bất chấp khác nhau về đẳng cấp, địa vị, kể cả thú vui tình yêu thể xác tự nhiên. Nhà văn còn dành thiện cảm và khích lệ cho giới thị dân và thương nhân - những lớp người tiến bộ của thời đại.

Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, chủ đề phong phú đa dạng của Boccaccio khiến Decameron được coi là tác phẩm xuất sắc của Italia, mở đường cho truyện ngắn và tiểu thuyết châu Âu. Từ đây phương pháp hiện thực đã được chú ý và khẳng định. Mục tiêu chính là truyền bá tư tưởng nhân văn Phục Hưng nhưng ông còn chú ý miêu tả quang cảnh đất nước Italia từ thị thành đến làng quê đủ màu sắc. Hàng trăm kiểu nhân vật đa dạng từ mọi tầng lớp xã hội Italia hiện ra sinh động, tất cả đều thể hiện tâm tư khát vọng sống cùng thời đại.

Giai đoạn kế tiếp, văn nghệ thiên về dịch thuật tác phẩm cổ Hi, bên cạnh thơ ca, nghệ thuật tạo hình nổi lên với những nghệ sĩ thiên tài như Leonardo da Vinci, Mikellange và Raphael...

Cuối phong trào, văn hoá Tây ban nha cùng với sự cai trị của đế quốc Tây Ban Nha vượt lên ảm đạm khiến cho văn hoá phục Hưng Italia tàn lụi dần. Giai đoạn này gọi là " hậu kì Phục Hưng ".

Văn học Pháp - một mùa hoa trái tương bừng

Văn nghệ Phục Hưng Pháp ra đời muộn hơn Ý. Mãi sau cuộc chiến tranh Anh - Pháp kéo dài 100 năm (1337 - 1453) chấm dứt, Pháp mới rảnh tay xây dựng lại đất nước và đi vào Phục Hưng.

Nửa đầu thế kỉ XV, các lãnh chúa củng cố vương quyền, xây dựng kinh tế. Cuối thế kỉ, nước Pháp trở thành quốc gia thống nhất về chính trị và kinh tế. vua Louis XI được tư sản ủng hộ, khuyến khích thương mại, sửa sang đường giao thông thủy bộ, tổ chức bưu điện, chợ búa, hội chợ, đẩy mạnh ngoại thương với các nước ven bờ Địa Trung hải và bắc Âu... Nửa đầu thế kỉ XVI, Pháp bắt đầu bành trướng thế lực. Dưới các triều vua Charles VII, Louis XII, Françoise I, Henri II, Pháp mở nhiều chiến dịch xâm lược Ý, giành giật với Anh và Tây Ban Nha. Chiến tranh khiến cho nước Pháp thiệt hại, kinh tế tài chính kiệt quệ, an ninh chính trị bất ổn, nội chiến tôn giáo bùng lên.

Điều đáng kể là do tiếp xúc với Ý, Pháp phát hiện ra nền văn hóa cổ đại Hi Lạp và La Mã với nguyên dạng của nó. Nhiều nhà bác học Hi Lạp được mời sang Pháp. Những người quý tộc Pháp thức thời đóng vai trò quyết định gây nên phong trào văn hóa Phục Hưng ở xứ sở này. Đó là tầng lớp quý tộc tiên bộ Pháp, trong đó có hai anh em nhà vua Françoise và em gái đã phát lên ngọn cờ nhân văn chủ nghĩa.

2.1. Thành tựu của thể loại truyện:

Truyện là thể loại có những thành công đáng kể. Nó phản ánh khá trung thành hiện thực nước Pháp thế kỉ XVI: mâu thuẫn xã hội gay gắt, giai cấp thống trị sa đọa (quý tộc hống hách, ăn chơi, tăng lữ hờm hĩnh, dốt nát), những lo toan khát vọng của dân chúng, niềm vui và nỗi đau khổ, tội ác và đạo đức đều được ghi lại. Ba cây bút xuất sắc là Marguerite D'Angoulême, Bonaventure và Noël du Fail.

Marguerite D'Angoulême là em gái vua Françoise I. Sau khi góa chồng, bà tái giá với vua xứ Navarre (thuộc Pháp). Là phụ nữ thông thái nhất thời bấy giờ, bà thông thạo các thứ tiếng chủ yếu ở châu Âu (Hi Lạp, Latin, Ý, Anh, Do thái, Tây Ban Nha, Đức). Bà làm thơ và viết kịch; nổi tiếng là nhờ tập truyện "Truyện bảy ngày" bắt chước kết cấu "truyện mười ngày" của Boccaccio (Ý), nhưng phần sáng tạo nội dung rất độc đáo. Do xuất thân chốn cung đình, Marguerite hiểu rõ đời sống quý tộc. Là một phụ nữ thông minh nhạy cảm bà tiếp nhận luồng gió mới nhân văn chủ nghĩa (thổi lên từ đất Ý) với niềm phấn khích, say sưa. Tác phẩm của bà toát lên khát khao hạnh phúc tình yêu. Bà tỏ ra hoài nghi nền đạo đức trung cổ dối trá, châm biếm lũ quý tộc tầm thường và thầy tu giả hiệu. Văn của bà đôi khi bộc lộ nỗi khát khao xác thịt. Bà nổi tiếng là cây bút nữ kể chuyện táo bạo, hấp dẫn hiếm có trên văn đàn.

2.2. Thơ ca:

Lúc đầu, nhà thơ Clement Marot được coi là nổi tiếng nhất với tập thơ: " Địa Ngục ". Tập thơ tố cáo thói cuồng tín, chủ nghĩa ngu dân của trường đại học Sorbone, lên án pháp luật đương thời, bọn quan tòa và những tệ nạn do luật pháp phong kiến gây ra.

Pierre de Ronsard là nhà thơ quý tộc, được nhà vua che chở, công danh rộng mở. Sau một trận ốm bị điếc, nhà thơ thất vọng quay ra làm thơ. Nổi tiếng là các tập thơ tình yêu, nhất là tập Sonnet gửi Helene với cảm hứng say mê cổ đại và Phục Hưng Ý. Ronsard là nhà thơ của hạnh phúc và tình yêu trần gian, của thiên nhiên và lòng yêu nước. Ông cùng với Du Bellay lập ra trường phái thơ La Pleiad.

Joachim Du Bellay (1522-1560) là người viết bản tuyên ngôn của thi phái La Pleiad " bảo vệ và làm giàu cho tiếng Pháp ". Lúc đó, ở nước Pháp, tiếng Latin vẫn là ngôn ngữ chính thống, sự ra đời của bản tuyên ngôn đó là cái mốc quan trọng của nền văn hóa Pháp. Bản tuyên ngôn thể hiện ý chí thống nhất nước Pháp, là quyết tâm, hoài bão của trí thức văn nghệ sĩ muốn sáng tạo một nền văn hóa dân tộc có thể sánh ngang ngôn ngữ văn hóa Hi Lạp cổ đại. Bảy nhà thơ tiêu biểu hợp thành thi phái, tập thơ " Luyến tiếc " Regrets) của Du Bellay nổi tiếng hơn cả.

Còn hai dòng thơ khác chứa đựng nhiều hương vị. Dòng thơ Lyon của tầng lớp thị dân đồng đạo khát khao cuộc sống thế tục và nền văn hóa mới. Dòng thơ nội chiến tôn giáo nổi lên hai giọng thơ bi tráng đau lòng vì cảnh huynh đệ tương tàn, đầm máu đầy nước Pháp trở lại cảnh chia sẻ lãnh thổ. Các bài thơ đều hàm ý chỉ trích đạo thiên chúa ý thể mạnh hơn tranh giành địa vị để " giằng lấy bầu sữa của đất mẹ mà uống một mình ".

2.3. Nhà văn Rabelais (1494-1553) và bộ tiểu thuyết " Gargantua & Pantagruel"

Francoise Rabelaise (đọc:Ra -bơ - le) là nhà tiểu thuyết và nhà bác học, sinh vật học, bác sĩ y khoa, luật gia nhà thiên văn học, thông thạo cả sáu ngoại ngữ quen thuộc ở Tây Âu. Học trường dòng, trở thành tu sĩ nhưng Rabelaise sớm chán ngán cuộc sống tu hành. Bị quả phạt, anh cởi bỏ áo tu sĩ đi đây đó lẩn tránh gia đình và bề trên. Anh say mê nghiên cứu cổ đại và ưa giao du với các nhà tri thức nhân văn chủ nghĩa. Trở lại học luật, xong đi Paris học y khoa. Đi làm thầy thuốc ở Lyon và viết tiểu thuyết. Xuất bản cuốn Gargantua Cuốn này bị trung tâm thần học Sorbone lên án. Rabelais bèn xin đi theo Hồng Y Giáo chủ Jean Due Bele sang La mã cầu cứu. Năm sau cuốn Pantagruen tiếp nối cuốn kia ra đời (tập 2), lại bị đại học Sorbone lên án, tác giả phải chạy sang La mã, được giáo hoàng công bố miễn tội.

Năm 1545 được phép vua, ông xuất bản " Cuốn thứ ba " kí tên thật, lại bị lên án. Năm 1552 xuất bản " Cuốn thứ tư " vẫn bị đại học Sorbone phản kích gay gắt." Cuốn thứ năm " được xuất bản sau khi tác giả qua đời năm 1554.

Ngoài bộ tiểu thuyết năm cuốn, Rabelais còn viết sách y học và khảo cổ học. Rabelais là một trong những " người khổng lồ " của văn học Phục Hưng Tây Âu.

Tóm lược nội dung 5 tác phẩm:

GARGANTUA - CUỐN 1

Gargantua là cậu bé con của một lãnh chúa vùng. Cậu bé khổng lồ vừa lọt lòng mẹ đã cất tiếng đòi ăn uống. Phải vắt sữa 176913 con bò mới đủ cho nó thỏa cơn khát đầu tiên. Lớn lên, theo học thầy tu Tuban. Cậu bé trở nên ngớ ngẩn bởi ông thầy nhồi nhét hàng lô kiến thức " chết " (kinh viện, thần học). Cha cậu gọi con đi học ở Paris. Trên đường đi, đuôi ngựa cậu quật nát cả một khu rừng.

Vừa đến Paris, Gargantua lấy ngay chuông nhà thờ Đức Bà treo lên cổ ngựa đi chơi. Đại học Sorbone cử một ông thầy ra điều đình với cậu, ông nói một tràng tiếng Latinh, mọi người cười lăn vì chẳng ai hiểu gì cả.

Giáo sư của cậu bé là thầy Ponocrates, thầy áp dụng thí điểm một chương trình và phương pháp dạy học mới nhằm phát triển con người toàn diện: trí đức thể mỹ, lại có lao động chân tay, học nghề, đi tham quan sản xuất, công trường, đi dã ngoại cỏ cây... Phương pháp mới là hướng dẫn học trò quan sát tự rút ra kết luận, gợi hứng thú cho học trò nghiên cứu.

Gargantua đang say mê học tập thì có thư cha gọi về chống giặc xâm lược. Thời chiến tranh, các tu sĩ chỉ biết đóng cửa lo cầu nguyện. Riêng có một thầy tu dũng cảm ra trận diệt được nhiều giặc. Hoàng tử Gargantua thưởng công cho thầy: xây một tu viện mới tên là Theleme giao cho thầy phụ trách. Tu viện có qui chế mới lạ: con trai từ 12 đến 18 tuổi, con gái từ 10 - 18 đều được tự do vào học. Một khẩu hiệu lớn treo trước cổng: " Muốn làm gì thì làm " .. Trai gái tự do sống theo theo sở thích, vui chơi thả cửa tự do yêu đương, chừng nào chán tu viện thì bỏ đi.

PATAGRUEN - CUỐN 2

Gargantua cưới vợ, sinh con trai. Đứa bé tên Pantagruen, mẹ nó chết sau khi sinh đẻ. Trước nôi con và xác vợ, Gargantua suy nghĩ hồi lâu không biết nên khóc hay nên cười. Anh quyết định ở nhà ẩm con để mọi người đi chôn cất vợ mình.

Giống như cha, Pantagruen cũng là một đứa bé có tầm vóc khổng lồ. Lớn lên nó cũng được gửi đi học ở những trường đại học nổi tiếng như Patier, Bordo, Toulouse, Avignon, Orlean.

Gargantua thường viết thư động viên con chăm chỉ học tập nắm lấy kiến thức khoa học tiên bộ của thời đại. Pantagruen kết bạn với Panucger một anh chàng thông minh và láu cá.

CUỐN THỨ 3

QUÂN ĐỘI Dipsos xâm lăng bờ cõi. Pantagruen ra trận, dẹp tan giặc. Panucner được giao cai quản một thành trì. Gã này tiêu xài hoang phí, chỉ 14 ngày tiêu xài hết sạch của cải. Gã bần khoản hỏi Pantagruen có nên lấy vợ hay không. Anh chẳng biết đáp thế nào nên rủ bạn đi tìm người giải đáp. Hỏi nhiều hạng người nhưng chẳng ai trả lời thỏa đáng. Họ tiếp tục đi ra nước ngoài.

CUỐN THỨ 4

Đôi bạn lên tàu vượt biển. trên tàu, Panucner cãi lộn với một lái buôn cừu. Panucner trả thù bằng cách mua con cừu đầu đàn của đối phương rồi ném xuống biển, cả đàn cừu lần lượt nhảy theo xuống biển, gã lái buôn tiếc của cũng nhảy theo. Tàu gặp bão, Panucner sợ chết rên rỉ khóc than tìm chỗ nấp. Thầy tu Jean và các thủy thủ cố sức chèo chống. Sóng yên bề lặng, panucner nhảy ra khoe khoang công trạng giúp tàu. Thuyền ghé vào hai hòn đảo. Dân chúng hao đảo này thù ghét nhau chém giết nhau liên miên (ám chỉ cuộc nội chiến tôn giáo ở Pháp). Thuyền ghé thăm đảo Metce (nghĩa là ông dạ dày), nơi đây diễn ra những hoạt động khoa học và nghệ thuật.

CUỐN THỨ 5

Thuyền đến đảo Sonante. Nơi đây có những loài chim lạ thoát trông có dáng hình người: chim lông trắng, chim đen tuyền, chim xám xịt, khoang đen, khoang trắng, hoặc đỏ chói. Lũ chim chỉ việc ăn no và hót kêu. Có một con chim đầu đàn. (ám chỉ các loại thầy tu).

Thuyền lại ghé đảo có giống mèo lông xù chuyên sống bằng của dút lút. Tiếp đến đảo Anpedepe (ám chỉ thuế khóa), rồi ghé đảo Quintesant (ám chỉ đại học Sorbone). Hành trình tiếp tục và kết thúc khi thuyền đến xứ Langtenoir, họ được nữ chúa dẫn vào ngôi đền thờ "Lọ nước thần". Khi Pantagruel đưa ra câu hỏi có nên lấy vợ không, nữ chúa chỉ trả lời "uống đi !" (trinhch !)

CÂU HỎI THẢO LUẬN:

1. Phân tích nhân vật khổng lồ trong hai bộ sách của Rabelais
2. Nêu lên những ám chỉ phê phán nhà thờ trung cổ và chế độ phong kiến. Nhà văn có phê phán triệt để nhà thờ hay không?

Michel de Montaigne - nhà văn lớn cuối cùng của thế kỉ 16 Pháp

Cuộc đời và sự nghiệp:

Tên thật là Michel Eyquen (Mi- sen Ê- ken)

Xuất thân gia đình thương nhân tư sản, cụ cố từng là lái buôn cá, sau mua được trang trại lâu đài của dòng họ quý tộc Montaigne, trở nên giàu có và gia nhập hàng ngũ quý tộc. Cha của nhà văn lập công trong chiến dịch đánh Italia và được bổ nhiệm chức vụ thị trưởng Bordeaux.

Tốt nghiệp khoa luật ở đại học Toulouse, Montaigne làm cố vấn ở toà án Perigor ... nhưng không yêu nghề. Sau khi cha chết, ông bán lại chức vụ, rút về ở trang trại, miệt mài đọc sách. Ông còn giao du với bạn bè, đi đây đó. Năm 1580 viết xong hai tập tiểu luận "Essais", ghi lại những ý kiến, nhận xét về những sách đã đọc, về cuộc đời và những nơi đã đi qua. Theo ông "essais" nghĩa là thể nghiệm, thể nghiệm cái năng khiếu tự nhiên của mình. Hoặc "đây chỉ là cuốn sổ ghi lại những điều thể nghiệm được trong đời tôi". Bị bệnh ông tìm đến nơi có suối khoáng để an dưỡng. Ông sang Thụy sĩ, Italia, thăm La Mã được tặng danh hiệu công dân thành La Mã. Vua Pháp gửi thư mời ông về làm thị trưởng Bordeaux vì ông được bầu vắng mặt. Ông trở về nước nhưng không thích nhiệm vụ này. Nạn dịch chết nhiều người ở lãnh địa Bordeaux khiến ông bỏ về trang trại chạy dịch. Từ đó ông ít đi khỏi nhà, ngắm nghĩ và viết.

Suốt thời kì chiến tranh tôn giáo (1560-1594), thái độ trung lập của ông khiến cả hai phe ngò vức. Mặc họ, ông vẫn đọc sách, ghi chép và viết Tiểu luận tập 3 và cho tái bản hai tập đầu sau khi chỉnh lí sửa chữa.

Ông mất năm 1592 tại lâu đài. Năm 1595 bộ Tiểu Luận toàn tập được bà De Gurnay con nuôi của ông xuất bản.

Tiểu luận và giá trị văn học

Tác phẩm nói lên con người tác giả với những mâu thuẫn hạn chế nhưng tràn đầy suy nghĩ và tìm tòi sáng tạo của một nhà tư tưởng, nhà văn nghệ sĩ. Đó là cây bút trung thực dám bộc lộ quan điểm và cả thói xấu của mình, như ông viết “ chỉ nói về tôi”

Ông nói thẳng rằng ông không thích chính trị. Ông cho rằng “ chính trị là công việc của những người biết phục tùng hơn và mềm dẻo hơn “. Rằng “ lợi ích công cộng đòi hỏi người ta phản trắc, dối trá, chém giết “ (Chương I: Về cái lợi ích và cái lương thiện). Chính do quan niệm ấy, ông chán ngán, từ bỏ chính trường, về nhà đóng cửa đọc sách.

Chính trị thời đó là chính trị của giai cấp phong kiến quý tộc và giai cấp tư sản đang ngoi lên. Nhà văn không thể nào chịu đựng được thứ chính trị “ phản trắc, dối trá, giết người” của họ.

Nhà văn khẳng định phải tuân theo những luật lệ của môi trường trong đó người ta sống “đừng nên thay đổi dễ dàng một luật lệ sẵn có “. Ông nghi ngờ cả hai phái cải cách tôn giáo, không nhập cuộc. Quan điểm của ông có ý nghĩa tích cực vào giai đoạn đó.

Ông nêu lên một kiểu chủ nghĩa hoài nghi Montaigne qua câu hỏi nổi tiếng của ông:” Tôi biết gì? “ (Que sais je?). Câu hỏi vang lên như một lời phủ định toàn bộ những chân lí cũ, tín điều cũ. Ông phê phán triết học kinh viện, rằng nó chẳng phải là khoa học, không giúp ích gì cho sự hiểu biết của con người. Ông hoài nghi cả cảm giác và lí trí. Nhưng không phải ông chỉ biết hoài nghi, “ tôi yêu cuộc sống và tôi chăm bón cho nó “. Ông bàn về cái chết, tâm lí sợ chết của người đời và cố gắng đánh tan tâm lí đó. Theo ông, người ta sợ chết vì đã hình dung ra nó một cách sai lầm. Nếu biết gạt bỏ quan niệm sai thì người ta sẽ coi cái chết như hiện tượng tự nhiên bình thường, “ mỗi ngày sống là tiến dần cái chết, ngày cuối cùng là ngày đi tới nơi “. Ông hạ bút kết luận:” Triết học là học cách chết “. Khi đã không sợ cái chết nữa thì sẽ yêu cuộc sống hơn, học cách chết chính là học cách sống. Ông khẳng định rằng hạnh phúc niềm vui là niềm khao khát của mọi loài vật chỉ có được ở ngay trần gian này. Muốn sống hạnh phúc thì phải sống theo tự nhiên, thích ứng với tự nhiên. Tự nhiên có qui luật của nó, trật tự vững vàng và không phụ thuộc vào sự biến đổi của con người. Nhìn chung tư tưởng của ông bất gặp tư tưởng nhân văn chủ nghĩa của thời đại Phục Hưng.

Đặc biệt, quan điểm giáo dục của Montaigne đáng được chú ý. Trong chương “Bàn về trường lớp học cho trẻ em” ông đề xuất nhiều quan điểm tiên bộ. Ông lên án nhà trường Trung cổ “đích thị là một nhà tù giam cầm tuổi trẻ “, ở đó chỉ “ nghe tiếng trẻ con bị nhục hình đang gào khóc và tiếng càu nhàu của thầy giáo

đang giận dữ “. Ông mong muốn nhà trường phải là nơi đầy hoa lá chứ không cần đồn roi dũa máu. Ông phản đối lối học nhồi nhét kinh viện, dạy học trò những điều vô bổ và phi lí. Giáo dục là xây dựng một con người chứ không phải chỉ bồi dưỡng tâm hồn và trí tuệ. Con người học trò phải biết sáng tạo, biết suy nghĩ chứ không phải đầy ắp kiến thức. Ông còn chủ trương đi du lịch tham quan, tiếp xúc nhiều với mọi người để tránh “ tầm nhìn thu ngắn lại bằng chiều dài sống mũi “.Đề án giáo dục của Montaigne căn bản đáp ứng nhu cầu của con em giai cấp quý tộc, giống nhưng không có vẻ “ khổng lồ “ như Rabelais.

Nghệ thuật luận văn của Montaigne rất hấp dẫn, trước hết nhờ những ý kiến mới mẻ, cách dẫn dắt khéo léo khôn ngoan. Ở đó, nhà tư tưởng và nhà văn hoà hợp làm một cây bút.

Tránh sự khô khan của nhà triết học, văn ông trình bày được những niềm vui bất ngờ lí thú. Tư tưởng nằm trong những hình ảnh cụ thể, thông qua cảm giác, mẩu chuyện, giai thoại với những ngôn ngữ giản dị ngây thơ. Ông tự nhận xét “đó là phong cách hài hước và riêng biệt”. Ông là nhà văn phóng túng, ngòi bút đang buông thả theo dòng chảy nhiên sực tình quay lại hoặc đột ngột chấm dứt. Bố cục các chương mục khó mà cân đối, chương ngắn xen kẽ chương dài. Một số nhà văn không thích và phê bình chỉ trích phong cách của ông, nhiều nhà triết học thế kỉ 18 Pháp lại ca ngợi ông và văn chương của ông.

H

Tây ban nha - một mùa gặt hái bội thu

Tây ban nha thế kỉ 15 thường xuyên xảy ra những cuộc tranh đoạt ngai vàng. Lãnh thổ chưa được thống nhất. Sang thế kỉ 16, sau khi đuổi sạch quan xâm lược, đất nước TBN thống nhất và phát triển mạnh mẽ. Nhờ vớt nhiều vàng bạc châu báu ở châu Mỹ và bóc lột các thuộc địa ở châu Âu, đất nước này giàu lên mau chóng. Dân chúng và quý tộc đổ xô sang châu Mỹ sinh cơ lập nghiệp và truyền bá tôn giáo cùng nền quân chủ.

Nền quân chủ TBN gắn bó chặt chẽ với lí tưởng thiên chúa giáo, chỉ phục vụ lợi ích quý tộc phong kiến và đẳng cấp tăng lữ. Thị dân và nông dân ủng hộ nhà nước. Tôn giáo lộng hành, những kẻ cuồng tín, mê nuội và những nhà thờ tu viện dày đặc khắp đất nước.

Đến giữa thế kỉ 16, nền kinh tế khủng hoảng suy thoái, nông dân phá sản lây lan sang giới tiểu chủ, quý tộc cấp thấp. Công thương nghiệp cũng đình đốn. Tham nhũng, trộm cướp, tệ nạn xã hội cờ bạc đĩ điếm. Một tâm trạng chung là hoài nghi bi quan lan tỏa.

Những tình hình trên đã được phản ánh vào tác phẩm văn học. Đây là thời kì hoàng kim của văn học TBN, đạt tới đỉnh cao ở nửa sau thế kỉ 16 vươn dài tới giữa thế kỉ sau, trong khi kinh tế xã hội nước này vẫn suy thoái. Văn học Phục Hưng TBN có thể chia hai giai đoạn:

3.1 - Giai đoạn sơ kì Phục Hưng:

Sau khi chiếm được vùng Napoli của Ý, vua TBN là Anphongse V quyết tâm biến thành phố này thành vùng văn hóa TBN. Nhưng chính nền văn hóa Phục Hưng Ý lại chinh phục được những kẻ đi chinh phục. Những tác phẩm Ý đã hấp dẫn cuốn hút các nghệ sĩ TBN gây nên phong trào học tập và bắt chước mẫu mực Ý. Các vua TBN cũng bắt chước các vua Ý đứng ra đỡ đầu cho các nhà bác học và văn nghệ sĩ giúp họ sáng tạo. Thơ ca TBN lúc đầu chịu ảnh hưởng thơ Ý, thành tựu đáng kể là " Romencero" được Victor Hugo gọi là " bản anh hùng ca Illiade của dân tộc Tây ban nha ".

Tiểu thuyết hiệp sĩ cũng phát triển mạnh trong giai đoạn đầu.

3.2. Giai đoạn Phục Hưng nở rộ:

Văn học phát triển toàn diện nhưng nổi bật là thơ ca, tiểu thuyết và kịch.

Thơ ca nhiều dòng: dòng thơ Ý, thơ truyền thống, thơ Salamant và dòng thơ thành Seville. Thơ phản ánh toàn diện tâm tư tình cảm đa dạng của giới trí thức Tây Ban Nha về đất nước lịch sử, dân tộc, về thời đại mới đang đến, về tình yêu... Các nhà thơ tiêu biểu là: Juan Bocan, Cristobal, Louise Lenon, Fernando và De Vega.

Tiểu thuyết:

Hơn bất cứ nước nào ở Tây Âu, tiểu thuyết TBN phát triển rất mạnh, đạt tới đỉnh cao hiếm có như Don Quijote của Cervantes. Trước tiểu thuyết độc đáo này có ba dòng tiểu thuyết: tiểu thuyết hiệp sĩ, tiểu thuyết mục ca và tiểu thuyết Pycarete.

Tiểu thuyết mục ca: dòng tiểu thuyết quý tộc, nhân vật quý tộc bất mãn với xã hội tư sản nên tìm cách thoát ly, rời bỏ cuộc sống đô thị chật hẹp, khoác lên mình bộ áo người chăn cừu. Họ là những nam nữ du mục sống nơi hoang dã, núi non. Tiểu thuyết ca ngợi lối sống du mục tự do, trong sạch phóng khoáng khác xa cuộc sống cạnh tranh vật chất và tù túng chốn cung đình và thành thị. Các mục đồng say sưa với tình yêu ngoài bãi cỏ, sườn non bờ suối coi tình yêu là niềm vui lẽ sống duy nhất. Nổi tiếng là tiểu thuyết " Nàng Diana " của Montemayor gồm 7 cuốn. Chuyện kể một mối tình đau khổ của hai chàng chăn cừu Cireno và Sinvano, cả hai cùng yêu nàng Diana một cô gái chăn cừu xinh đẹp. Nàng yêu Cireno và lạnh nhạt với Sinvano. Rồi nàng lại từ bỏ tất cả để đi cưới tên nhà giàu Dellio. Một cô gái khác tên Senvakia làm quen và an ủi hai kẻ thất tình. Một anh khỏi bệnh và một chàng được yêu. Cuốn tiểu thuyết này có tiếng vang ở châu Âu, Cervantes và Sakespeare đều chịu ảnh hưởng của nó.

Tiểu thuyết Pycarete: Miêu tả cuộc sống của lớp người vô sản hóa và lưu manh gọi là tầng lớp Picaro. Họ không có nghề nghiệp, đi lang thang, làm bất cứ việc gì để sống bất kể tốt xấu, vào tù ra khám là thường. Họ lưu lạc giang hồ lên voi xuống chó. Tiểu thuyết viết dưới dạng hồi kí thường do một picaro kể lại đời mình. Những pha gay cấn éo le được miêu tả sinh động hấp dẫn. Tiểu thuyết Pycarete có ý nghĩa tố cáo thực trạng ở một số nước Tây Âu đương thời, gây ảnh hưởng mạnh đến loại tiểu thuyết giang hồ ở Anh, Pháp, Đức, rõ nhất là cuốn " Robinson Crusoe " của Daniel Defoe nhà văn Ánh sáng Anh.

Tiểu thuyết hiệp sĩ: Tác phẩm ca tụng nhân vật hiệp sĩ lí tưởng của chế độ phong kiến trung cổ. Đến cuối thế kỉ 16, loại tiểu thuyết này suy tàn vì chẳng còn người đọc.

Tiểu thuyết hiện thực Phục Hưng đánh dấu bằng kiệt tác Don Quijote của Miguel De Cervantes. Don Quijote đã chế giễu tiểu thuyết trung cổ lỗi thời cùng với lí tưởng hiệp sĩ TBN, đóng vai trò kết thúc dứt điểm thể loại này.

3.3. CERVANTES VÀ TIỂU THUYẾT DON QUIJOTE

Nhà văn Miguel de Cervantes sinh năm 1547 tại một thị trấn gần thủ đô Madrid. Trường đại học Madrid là một trung tâm nhân văn chủ nghĩa nổi tiếng thời bấy giờ. Ông cụ thân sinh nhà văn làm nghề thầy thuốc, thuộc dòng dõi tiểu quý tộc. Cervantes có 7 anh chị em, theo cha chuyển cư nhiều nơi mãi sau mới định cư ở Madrid, cha vẫn làm thầy lang nghèo. Cervantes may mắn được học hết bậc đại học. Hai mươi tuổi anh được đi phục vụ giáo chủ Aquaviva là đặc sứ của Giáo hoàng tại Tây ban nha. Anh theo giáo chủ sang Italia - nơi mơ ước của thanh niên trí thức châu Âu - cái nôi của phong trào văn hóa Phục Hưng, vùng đất giàu đẹp hiếm có. Giáo chủ Aquaviva qua đời, anh ở lại gia nhập quân đội Tây Ban nha đang đồn trú ở Italia. Năm 1571, trong một trận thủy chiến, Cervantes chiến đấu dũng cảm bị thương nặng mất một cánh tay. Năm 1575 ông được phép về thăm tổ quốc và gia đình, mang theo 2 lá thư tiến cử mình với triều đình hoàng đế Philip II. Lá thư thứ nhất của Don Juan tư lệnh quân đội TBN. Lá thư thứ hai của Don Carlos phó vương đảo Sicille. Hai lá thư giới thiệu ông là chiến binh dũng cảm, đề nghị triều đình khen thưởng và trọng dụng

Trên đường về nước cùng đi có cả anh ruột và nhiều chiến sĩ có công trạng. Không may giữa đường thuyền của ông bị bọn cướp biển Bắc Phi chặn đánh. Ông và đồng đội chống trả đến cùng nhưng thất bại. Ông và những người sống sót bị đưa sang Angeri, bị giam giữ suốt 5 năm, nhiều lần vượt ngục không thành. Ông được coi là người lãnh đạo tù nhân đấu tranh. Mỗi khi vượt ngục thất bại ông đều đứng ra nhận trách nhiệm khiến kẻ thù cũng phải vị nể. Có lần ông đã vạch kế hoạch cướp chính quyền ở Angeri. Năm 1580 ông được chuộc ra do gia đình và bạn bè cùng nhà dòng góp tiền. Triều đình TBN dừng dừng không hề can thiệp vào việc giải phóng những người chiến sĩ trung thành của đất nước.

Về đến quê nhà, cha vừa mất gia đình đã khánh kiệt nghèo túng hơn xưa. Cervantes lại thêm đau lòng vì cảnh quê hương đất nước tiêu điều, cung đình thì ăn chơi xa hoa lộng lẫy. Ông tìm vào kinh đô với hi vọng công lao của mình được khen thưởng. Nào ngờ vua Philip II chỉ ban cho ông 50 đồng tiền vàng và ra sắc lệnh điều ông đi công việc ở Bắc Phi. Sau chuyến đi tiền xài hết. Ông xin một chức vụ nhỏ nhưng triều đình làm ngơ vì họ cho rằng đã bù đắp đủ cho 5 năm chiến đấu Bắc Phi và cánh tay cụt của ông.

Cervantes trở lại cuộc đời người lính, sang đóng quân ở Bồ Đào Nha. Chán nản, ông xin giải ngũ về nhà, lấy vợ. Để kiếm sống, ông làm thơ viết kịch, vẫn không đủ sống, lại đi xin việc, quân đội cho ông công việc đi thu gom lương thực. Mười năm làm nghề này va chạm nhiều với giới quý tộc và tăng lữ - những kẻ ngoan cố gian lận nhất trong việc đóng thuế lương thực và bán lúa thừa.

Trong khoảng đó ông viết vài truyện ngắn, rồi mấy lần vào ra tù vì bị vu oan lạm tiền công quỹ và lương thực. Lại có lần ông bị nhà thờ tru dập rút phép thông công.

Mười mấy năm cuối đời, ông sống nghèo túng nhưng lại là lúc tài năng sáng tạo văn học phát triển. Năm 1605, Cervantes 58 tuổi, cho xuất bản tập 1 của tiểu thuyết tiếng Tây ban nha là El Ingenioso Hidango Don Quijote de La Mancha, nghĩa là Truyện nhà hiệp sĩ trừ danh Don Quijote dòng dõi Hidango ở xứ Mancha (Trước đây dịch qua bản tiếng Pháp là Đông Ki Sốt, nay nên đọc theo đúng ngữ âm Tây ban nha là Đông- Ki hô tê). Cuốn sách lập tức được dịch sang tiếng Pháp, Ý, Bồ đào nha và tái bản 4 lần ở Tây ban nha trong năm đó. Trong 6 năm kế tiếp ông đang viết tiếp tập 2 thì có tên lừa đảo tung ra cuốn "Don Quijote phần 2" khiến ông phải mau chóng hoàn thành phần 2 thực sự của mình để xuất bản (năm 1614). Ông còn viết một tập kịch nữa, sách in nhiều, bán chạy nhưng bọn chủ nhà in thì phát lên giàu có còn ông vẫn nghèo vì tiền nhuận bút ít ỏi. Nhà văn Cervantes về già vẫn nghèo túng, bệnh tật liên miên. Ông còn viết một cuốn tiểu thuyết cuối cùng và hoàn thành trước khi mất một tuần - ông qua đời ngày 23 tháng tư / 1616.

Ngày nay, cuốn Don Quijote được coi là tác phẩm lớn lao nhất, đỉnh cao chói lọi của Cervantes. Trong lời Tựa, nhà văn nói rằng ông muốn "nhái lại tiểu thuyết hiệp sĩ", tác phẩm của ông "từ đầu đến cuối là một lời thóa mạ dài" đối với loại tiểu thuyết đó. Sau đây giới thiệu tóm tắt cốt truyện:

Xứ Mancha, Tây ban nha có một nhà quý tộc sa sút tên là Kijana khoảng năm chục tuổi, cao lênh khênh, gầy gò nhưng tráng kiện. Quanh năm nhàn rỗi, không làm việc gì ngoài vui đầu đọc sách hiệp sĩ. Y đọc mãi miết, chẳng ngó ngang tới sự đời, nhà cửa ruộng đất và quên hết những thú vui thông thường. Y bán dần ruộng đất để mua sách hiệp sĩ chất đầy nhà. Đọc nhiều ngủ ít, trí óc y lú lẩn, y coi những chuyện trong sách là chuyện thực ngoài đời, hơn cả sự thực. Một ngày kia y nảy ý định lên đường làm hiệp sĩ giang hồ để cứu khổ phò nguy thiên hạ và làm rạng rỡ tên tuổi mình.

Y moi ra những áo giáp, khiên mũ và thanh kiếm cũ của ông tổ bốn đời rồi lau chùi hoen rỉ, sửa sang trang bị cho mình. Con ngựa gầy còm trong chuồng y lôi ra làm con chiến mã và đặt cho nó cái tên mỹ miều - Rossinante. Y cũng đổi luôn tên mình thành "Don Quijote xứ Mancha" cho đúng kiểu cách một trang hiệp sĩ. Lại phải tìm ra một người phụ nữ đẹp để tôn thờ làm "bà chúa của trái tim hiệp sĩ", y nghĩ tới một cô gái nông dân ở làng Tobozo mà đã có lần y cảm động xao xuyến khi nhìn thấy. Chẳng biết tên cô, y đặt cho cô cái tên quý phái - Duncine công nương xứ Tobozo. Y đặc ý vì đã chuẩn bị đầy đủ mọi thứ để làm một hiệp sĩ mẫu mực.

Một buổi sớm rạng đông, y mặc trang phục hiệp sĩ cưỡi ngựa lên ra đi không để cô cháu gái già và mụ quản gia biết. Lang thang suốt ngày đầu tiên, chiều y tới một quán trọ bên đường có nhiều người ngựa ra vào, y tưởng đó là một lâu đài của một quý tộc lãnh chúa - người có thể giúp tấn phong danh hiệu hiệp sĩ. Y dắt ngựa vào, trình trọng tự giới thiệu với chủ quán và bày tỏ nguyện vọng. Lão chủ quán tin rằng y là một kẻ tâm thần rồ dại nhưng nghĩ nhân cơ hội bày trò vui cho

khách trọ nên nhận lời làm lễ tấn phong hiệp sĩ cho y. Tối hôm ấy, theo như phong tục hiệp sĩ trong sách, y thức trắng đêm để tâm niệm, suy ngẫm. Một gã lái buôn cũng là khách trọ dắt ngựa đi uống nước lờ đụng chạm đến đồng võ khí trang bị của y để bên thành giếng nước. Nghĩ rằng mình đã bị xúc phạm, y cầm cây giáo đập vào đầu gã khách thương khiến y ngã lộn bất tỉnh. Chủ quán vội vã bày lễ tấn phong để mau chóng tống khứ ông khách kì dị này đi. Tin tưởng rằng đã là hiệp sĩ, y tiếp tục lên đường tìm cơ hội ra tay nghĩa hiệp lập chiến công.

Thấy cảnh một em bé mục đồng bị ông chủ trói đánh đập tàn nhẫn, y thúc ngựa xông vào can thiệp. Hỏi ra mới biết em bé để lạc mất một con cừu nên bị chủ phạt, y giận lắm. Quắc mắt lên y ra lệnh cho tên chủ cởi trói cho em bé, trả tiền công đầy đủ, lại bắt hẳn phải thề từ nay không hành hạ em bé làm thuê nữa. Hoảng sợ, tên chủ vội hứa hẹn. Nhưng khi hiệp sĩ vừa đi khuất, gã chủ lại trói và đánh em bé tàn nhẫn hơn trước.

Tiếp tục cuộc hành trình vô định, Don Quijote gặp một đoàn lái buôn. Y chặn họ lại, yêu cầu họ phải lên tiếng thừa nhận nàng Duncine xứ Tobozo là người phụ nữ đẹp nhất thiên hạ. Bọn lái buôn nổi giận xúm lại đánh y một trận toí bời à Một bác thợ cày cùng làng đi ngang qua thấy y ngã ngựa bèn vực y dậy, dìu về quê. Ở nhà, cô cháu gái và mẹ quản gia cùng mấy người bạn của y đang đốt bỏ đồng sách hiệp sĩ của y. Họ chắc rằng sau chuyến thất bại xương máu vừa rồi y sẽ bỏ giấc mộng hiệp sĩ.

Nhưng sức khỏe vừa hồi phục, y lại âm thầm chuẩn bị tái xuất giang hồ. Y rủ rê bác nông dân hàng xóm tên là Sanso Pancha đi theo mình làm canh vệ đất ngựa. Bị cám dỗ bởi những lời hứa hẹn của y, bác nhận lời. Thế là một sớm tinh mơ, hai thầy trò lẳng lặng lên đường. Đi sau con ngựa gầy gò chở ông chủ cao gầy là con lừa thấp bé chở bác thợ cày lùn mập ú vai đeo chiếc bị đựng đồ ăn và một bầu rượu lớn. Khi nhìn thấy những chiếc cối xay gió khổng lồ, hiệp sĩ tưởng đó là bọn quỷ khổng lồ hung ác. Bất chấp bác Sanso can ngăn giải thích, y thúc ngựa vùng giáo xông vào đâm. Gặp cơn gió mạnh, cối quay mạnh, bẻ gãy cây giáo và quật y ngã lộn bầm dập

Lại gặp một đoàn tù khổ sai đang bị lính dẫn đi, y động lòng, phần nộ thấy cảnh con người bị tước đoạt tự do. Y xông vào tấn công tên lính, đám tù nhân chớp cơ hội bỏ chạy thoát thân. Còn y bị tên lính đánh như tử Lát sau những tù nhân quay lại tìm y săn sóc và cảm tạ ân nhân. Nhà hiệp sĩ yêu cầu họ hứa tìm đến làng Tobozo gặp công nương Duncine để cảm tạ và báo công trạng cho y. Bọn họ từ chối, y nổi giận xỉ mắng họ. Tù nhân phần lớn là dân lưu manh côn đồ tướng cướp nổi giận đánh y một trận nữa rồi bỏ đi. (Ngoài ra y còn gây nhiều cuộc ẩu đả khác và phần lớn đều thua cuộc). Cô cháu gái đã nhờ người dùng sức mạnh và mưu kế bắt y vào cũi, chở về nhà.

Nghỉ ở nhà ít lâu, hai thầy trò lại lên đường lần thứ ba. Nhiều trò điên rồ kì quặc lại xảy ra Lần này bác thợ cày được cử làm tổng trấn một hòn đảo, đúng như lời hứa ban đầu của hiệp sĩ Quijote. Đó chỉ là cuộc bày trò vui của hai vợ chồng t quan công nọ trong thời gian hai thầy trò đến lãnh địa của họ.

Một lần nữa, gia đình và bè bạn lại dùng mưu kế buộc nhà quý tộc già Kijana phải từ bỏ con đường hiệp sĩ giang hồ. Một anh cháu họ đóng giả hiệp sĩ với biệt danh "Vùng trắng bạc", đón gặp nhà hiệp sĩ lừng danh "Mặt buồn" (tức Don Quijote). Anh thách đấu với điều kiện: nếu thua trận anh sẽ tự nguyện làm hầu cận dắt ngựa cho hiệp sĩ (thay bác Pancha đã bỏ chức tổng trấn về quê sau khi không thể làm được chức vụ ấy vì đốt nát - nhưng bác cũng vớ được một ít của cải nhỏ mang về cho vợ). Còn nếu hiệp sĩ thua trận sẽ phải từ bỏ giang hồ trở về nhà. Cuộc đấu diễn ra, hiệp sĩ Mặt Buồn già yếu thua trận, y đành phải giữ lời hứa danh dự của hiệp sĩ quay về nhà. Buồn bã khốn người vì lí tưởng hiệp sĩ bỏ dỡ, y lăn ra bệnh trong nỗi buồn rầu khôn nguôi. Nằm trên giường bệnh y nghĩ lại ba lần giang hồ và nhận ra tác hại của tiểu thuyết hiệp sĩ. Biết mình sức đã tàn, y viết chúc thư phân phối tài sản cho cô cháu gái và bác nông dân Pancha. Vài ngày sau Don Quijote từ giả cuộc đời.

GỢI Ý PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VÀ TÁC PHẨM

1 / Bối cảnh đời sống văn học Tây ban nha trước khi tác phẩm ra đời.

Hồi ấy sách tiểu thuyết hiệp sĩ tràn ngập thị trường Tây ban nha và Tây Âu, gây nhiều tác hại cho công chúng và gây phần nộ đối với chính luận. Những độc giả đam mê sách này bỏ công việc, hao tiền tốn của, vùi đầu vào những truyện hoang đường phi lí. Thị hiếu thẩm mĩ của người đọc bị méo mó lệch lạc. Hình tượng hiệp sĩ giang hồ phóng đảng làm nảy sinh lối sống tai hại cho trật tự an ninh xã hội. Vua Tây ban nha là Charler Cing ra lệnh cấm đọc loại tiểu thuyết đó nhưng ông vẫn lén lút đọc say mê. Các nhà tu hành cũng chẳng kém. Sách hiệp sĩ vẫn cứ lưu hành. Mãi đến khi cuốn Don Quijote xuất hiện thì loại tiểu thuyết hiệp sĩ mới mất hết độc giả. Dĩ độc trị độc! Dư luận nồng nhiệt ca tụng cuốn tiểu thuyết châm biếm sâu sắc này. Lần đầu tiên trong đời nhà văn Cervantes đón nhận thành công và cảm thấy được an ủi cho cuộc đời vất vả chịu đựng bất công của mình.

2 / Giá trị của tác phẩm Don Quijote:

- Chôn vùi một thể tài tiểu thuyết hiệp sĩ trung cổ có hại cho công chúng.
- Góp một cuốn tiểu thuyết mới với nội dung nhân đạo chủ nghĩa, bênh vực quyền sống con người. Đằng sau một hài kịch là bi kịch của người nghệ sĩ chân chính trong cuộc Phục Hưng
- Xây dựng tiểu thuyết hiện thực, Don Quijote miêu tả hiện thực đất nước TBN khổ cực, nhiễu nhương, rối loạn dưới sự cai trị của phong kiến và tăng lữ, lấp ló một bọn người khác sắp vào cuộc áp bức con người - gã tư sản.
- Biểu dương những tư tưởng mới mẻ tiến bộ của thời đại mới khi trình bày những vấn đề tôn giáo, xã hội, nghệ thuật, tình yêu hạnh phúc.

3/ Phân tích nhân vật

Don Quijote:

Don Quijote vẽ ra một kẻ ham mê đọc sách hiệp sĩ nên bị đầu độc, kẻ chỉ biết sách vở mà không biết gì đến hiện thực khách quan rồi sẽ thất bại.